

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HS-ST
Ngày: 13-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Phước Công

Ông Ngô Văn Mừng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh năm 1964, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo phật giáo Hòa Hảo; con ông Trần Văn H, sinh năm 1925 (đã chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1927; có vợ Võ Thị Đ, sinh năm 1965; có 06 người con: Lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án: không; tiền sự: không; từ nhỏ sống với cha mẹ, đi học đến lớp 5 nghỉ phụ giúp gia đình, lớn lên có vợ, sinh sống bằng nghề làm thuê; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/12/2018 đến nay; bị cáo có mặt.

Bị hại: Trần Thị S, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Phạm Văn C, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt).

Người làm chứng:

Lê Thành A, sinh năm 1950;

Lê Bá N, sinh năm 1961;

Trần Thị C, sinh năm 1956;

Trần Thị C1, sinh năm 1953;

Lê Thị N1, sinh năm 1941.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 04/9/2018, Trần Văn L chạy xe đạp từ nhà thuộc ấp Q, xã B đến xã A để mót lúa. Khi đến khu vực ấp Q, xã B thấy nhiều người đang chặt cây còng trên phần đất mà L cho rằng của gia đình, nên L hỏi thì được Lê Thành A cho biết Trần Thị S (em ruột của L) đang đứng ẩm Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 20/5/2017 (con ruột của S) cách đó khoảng 20m. Do có mâu thuẫn trước đó về việc tranh chấp đất đai và di sản thừa kế, L tức giận chửi và nhặt 01 đoạn gỗ còng dài 130cm, bề hoành rộng nhất 13cm, nhỏ nhất 09cm ở gần đó chạy đến để đánh S, thì S ôm con bỏ chạy, L đuổi theo đánh nhiều cái trúng vào đầu của S đang đội mũ bảo hiểm, vai, chân, lưng của S làm đoạn gỗ bị gãy thành nhiều khúc, L bỏ lại hiện trường rồi lên xe đạp chạy đi. S được gia đình đưa đến Trung tâm y tế huyện C điều trị thương tích, ngày 17/9/2018 xuất viện. S yêu cầu xử lý hình sự đối với L. Riêng bé Tường V, không bị thương tích.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) khúc gỗ dài 66cm, bề hoành rộng nhất 13cm, nhỏ nhất 12cm;
- 01 (một) khúc gỗ dài 35cm, bề hoành rộng nhất 13cm, nhỏ nhất 11cm;
- 01 (một) khúc gỗ dài 32cm, bề hoành rộng nhất 12,5cm, nhỏ nhất 9,5cm;
- 01 (một) khúc gỗ dài 25cm, bề hoành rộng nhất 13cm, nhỏ nhất 09cm;
- 01 (một) khúc gỗ dài 16cm, bề hoành rộng nhất 13cm, nhỏ nhất 10cm.

* Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 238/18/TgT ngày 19/10/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang, đối với Trần Thị S: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do tất cả các thương tích gây nên là 03%.

Ngày 03/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Chợ Mới khởi tố Trần Văn L, để điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 29 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

* Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung

năm 2017 để xử phạt bị cáo 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm; buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 16.391.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, một số người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng; phù hợp với thương tích trên cơ thể bị hại và các tài liệu chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo biết rõ hành vi dùng khúc gỗ gây thương tích cho người khác là nguy hiểm đến sức khỏe và tính mạng nhưng chỉ vì mâu thuẫn trước đó trong việc tranh chấp đất đai và di sản thừa kế với bị hại mà bị cáo đã dùng khúc gỗ đánh nhiều cái trúng vai, chân và lưng bị hại. Hành vi của bị cáo đã gây tổn thương cơ thể bị hại do tất cả các thương tích gây nên là 03 (ba) %.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi gây thương tích cho người khác là xâm phạm quyền bất khả xâm phạm sức khỏe của người khác. Lẽ ra, khi bị cáo cho rằng bị hại cho tổ từ thiện đốn các cây trên phần đất của gia đình bị cáo mà không có sự đồng ý của bị cáo thì bị cáo nên trình báo chính quyền địa phương để được giải quyết đúng quy định của pháp luật. Trái lại, bị cáo lại tỏ ra hung hãn, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác đã cố ý dùng khúc gỗ là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây

thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi của bị cáo.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi của bị cáo:

Sức khỏe là vốn quý của mỗi cá nhân và là nền tảng để mỗi người lao động, phát triển. Chính vì vậy, quyền được an toàn về sức khỏe của con người được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Đối với những ai xâm phạm đến sức khỏe người khác một cách trái pháp luật, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất, là hình phạt.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội; đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội. Trước đây, bị cáo đã từng gây thương tích cho bị hại nhưng bị hại không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo mà chỉ yêu cầu bồi thường về dân sự. Bị cáo không những không sửa chữa lỗi lầm mà bị cáo lại tiếp tục tỏ ra hung hãn, xem thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung về tội phạm xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo nhưng chưa ăn năn hối cải, không nhìn nhận lỗi lầm đối với hành vi đã thực hiện với bị hại nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự nguyện nộp 1.000.000 đồng để bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về xử lý vật chứng: Các đoạn gỗ thu giữ là công cụ được bị cáo dùng để gây thương tích cho bị hại. Xét, tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền viện phí điều trị 541.160 đồng, tiền mất thu nhập ngày công lao động trong thời gian điều trị của bị hại 4.550.000 đồng và của chồng bị hại 4.550.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 6.590.000 đồng. Tổng cộng 16.391.000 đồng.

Bị cáo không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại vì bị hại yêu cầu bồi thường quá cao. Bị cáo chỉ đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì số tiền mà bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thấp hơn so với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) khúc gỗ dài 66cm, bề hoành rộng nhất 13cm, nhỏ nhất 12cm;
- 01 (một) khúc gỗ dài 35cm, bề hoành rộng nhất 13cm, nhỏ nhất 11cm;
- 01 (một) khúc gỗ dài 32cm, bề hoành rộng nhất 12,5cm, nhỏ nhất 9,5cm;
- 01 (một) khúc gỗ dài 25cm, bề hoành rộng nhất 13cm, nhỏ nhất 09cm;
- 01 (một) khúc gỗ dài 16cm, bề hoành rộng nhất 13cm, nhỏ nhất 10cm.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/3/2019 giữa Cơ quan điều tra và Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Văn L bồi thường cho bị hại Trần Thị S 16.391.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm chín mươi một nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo Biên lai thu số 003988 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 29 tháng 01 năm 2019 để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 819.550 đồng (Tám trăm mười chín nghìn năm trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bà Trần Thị S, ông Phạm Văn C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Viện KSND tỉnh (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Thành Tới